TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/DS-ST
Ngày: 30/6/2020
V/v *tranh chấp hợp đồng góp hụi*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;

2. Ông Nguyễn Văn To.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Toà án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST - DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc "*tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tn, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 14, khóm LA B, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG.

- Bị đơn: Ông Thái Văn Thành Tm, sinh năm 1975.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Tổ 1, khóm LQ C, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Tn trình bày:

Chị Tn có tham gia các dây hụi do ông Tm làm chủ hụi như sau:

+ Dây thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, 15 ngày khui hụi 01 lần, hụi khởi sự ngày 15/7al/2018, hụi gồm 40 phần, chị Tn tham gia 02 phần, chị Tn chầu được

20 lần thì ngưng hụi. Số tiền mà chị Tn chầu 740.000 đồng x 2 phần x 40 lần = 29.600.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi 3.000.000 đồng, 01 tháng khui hụi 01 lần, hụi khởi sự ngày 20/02/2019 âm lịch, hụi gồm 24 phần, chị Tn tham gia 04 phần, chị Tn chầu được 03 lần thì ngưng hụi. Số tiền mà chị Tn chầu 2.500.000 đồng x 4 phần x 3 lần = 30.000.000 đồng

Tổng cộng số tiền chị Tn chầu hụi là 59.600.000 đồng. Sau khi ngưng hụi anh Tm có trả được cho chị Tn 5.000.000 đồng nên còn nợ lại 54.600.000 đồng. Nay chị Tn yêu cầu ông Tm và bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 54.600.000 đồng.

Bị đơn ông Thái Văn Thành Tm trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của chị Tn nêu trên. Ông Tm thừa nhận hiện nay ông còn nợ chị Tn số tiền hụi là 54.600.000 đồng. Nay ông đồng ý cùng với vợ là bà T trả cho chị Tn số tiền hụi là 54.600.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng ông hiện nay đang gặp khó khăn, ông xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị T trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của chị Tn nêu trên. Bà T thừa nhận hụi này do bà kêu nhưng do bà không biết chữ nên ông Tm ghi sổ hụi và ký tên với danh nghĩa chủ hụi (9 Quắn là tên thường gọi của ông Tm). Nay bà T đồng ý cùng có trách nhiệm với ông Tm trả cho chị Tn số tiền hụi là 54.600.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng bà hiện nay đang gặp khó khăn, bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản hòa giải, chị Nguyễn Thị T không đồng ý cách trả của ông Tm, bà T. Chị yêu cầu ông Tm, bà T phải trả ngay một lần số tiền 54.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Tn khai, đối với dây hụi 1.000.000 đồng, tuy các lần bia hụi số tiền khác nhau, nhưng giữa chị và ông Tm thống nhất số tiền vốn chị Tn chầu mỗi kỳ là 740.000 đồng và lần khui cuối cùng là vào ngày 15/5al/2019. Đối với dây hụi 3.000.000 đồng, giữa chị Tn và ông Tm cũng thống nhất số tiền vốn mỗi kỳ là 2.500.000 đồng và lần khui cuối cùng là vào ngày 20/4al/2019 thì hụi ngưng.

Ông Thái Văn Thành Tm và bà Lê Thị T thống nhất theo lời trình bày của chị Tn, ông bà không có ý kiến bổ sung.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong qúa trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 288, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Thái Văn Thành Tm và bà Lê Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tn số tiền 54.600.000 đồng và buộc ông Tm, bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Tn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với ông Thái Văn Thành Tm và bà Lê Thị T; cùng địa chỉ: khóm LQ C, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau thời gian khởi sự dây hụi thứ nhất là vào ngày 15/7al 2018, thời gian khởi sự dây hụi thứ hai là vào ngày 20/2al/2019 và thời gian ngưng hụi là ngày 20/4al/2019, đến ngày 14/02al/2020 chị Tn khởi kiện nên còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[1] Về số nợ: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất số tiền bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 54.600.000 đồng. Về thời gian và phương thức trả các bên không thỏa thuận được với nhau. Chị Tn yêu cầu ông Tm và bà T có trách nhiệm liên đới trả cho chị Tn một lần số tiền nợ là 54.600.000 đồng. Tuy nhiên, anh Tm và bà T cho rằng hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng ông bà hiện nay đang gặp khó khăn, ông bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Chị Tn không đồng ý. Hội đồng xét xử xét, yêu cầu trả dần của ông Tm và bà T là gây thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về cách trả. Do đó, Hội đồng xét xử xét buộc ông Thái Văn Thành Tm và bà Lê Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Tn số tiền là 54.600.000 đồng *(năm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng* theo quy định tại Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Tm và bà T xin trả 1.000.000 đồng/tháng, không được phía nguyên đơn chấp nhận là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[2] Về án phí, ông Tm và bà T phải chịu 2.730.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Tn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho chị Tn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 288, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tn;

Buộc ông Thái Văn Thành Tm và bà Lê Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Tn số tiền 54.600.000 đồng *(năm mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Văn Thành Tm và bà Lê Thị T phải chịu 2.730.000 đồng *(hai triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Tn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Tn 1.365.000 đồng *(một triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002548 ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tn, ông Tm, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG;
- VKSND TX.TC;
- Chi cục THADS TX. TC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Lan